

Bản án số: 190/2019/HS-ST
Ngày 15-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hoàng Liễu.

Bà Nguyễn Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Phúc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Hoàn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 171/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn A, sinh năm 1960 tại Bến Tre; giới tính: Nam;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3/16/8 T, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị T; bị cáo có vợ và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án:

+ Ngày 10/7/2015 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số: 241/2015/HSST.

+ Ngày 30/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tái phạm) theo bản án số 26/2016/HSST.

+ Ngày 21/11/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp với hình

phạt của Bản án số: 26/2016/HSST ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm tù, theo Bản án số: 409/2016/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 07/3/2018.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 10/8/1984 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số: 94/HSST.

+ Ngày 22/4/1998 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số: 35/HSST.

+ Ngày 24/02/1993, “Trộm cắp tài sản của công dân” bị Công an Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đến ngày 26/3/1993 thì được Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trả tự do.

+ Ngày 03/02/1994, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội ”Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số: 125/HSST.

+ Ngày 08/4/1999 bị Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số: 598/HSST.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 14/5/2019 đến nay;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

** Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 – vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 – vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp 5, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người làm chứng: Ông Trần Đ, sinh năm 1983 – vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp 5, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 14/5/2019, trong lúc mua thẻ cào điện thoại di động và thuốc lá tại tiệm tạp hóa ở địa chỉ E2/34B Thới Hòa, tổ 8, ấp 5, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn

Thị T làm chủ, Nguyễn Văn A thấy có nhiều thẻ cào điện thoại để trong túi nhựa màu hồng (mà bà T vừa lấy ra bán cho A rồi để lại vào tủ kính đặt bên trái cửa hàng) nên nảy sinh ý định lấy trộm. Lúc này A đi bộ qua bên kia đường (lề đường đối diện tiệm tạp hóa) đứng quan sát; khoảng 10 phút sau, lợi dụng lúc bà T đang bán hàng cho khách, A đi bộ qua tiệm tạp hóa rồi lên vào trong lấy trộm túi nhựa màu hồng đựng thẻ cào điện thoại (để trong tủ kính) rồi nhét vào trong áo somi trước bụng và đi ra ngoài thì bị ông Nguyễn Văn H (chồng bà T, đang ở phía trong tiệm tạp hóa) phát hiện, tri hô và đuổi theo A. A chạy ra ngoài đường (cách tiệm tạp hóa khoảng 10 mét) và leo lên 01 xe mô tô (chưa rõ biển số) do 01 thanh niên (chưa rõ lai lịch) điều khiển chạy ngang qua thì bị ông H đuổi kịp, kéo An lại và cùng ông Trần Đ bắt giữ, giao Công an xã Vĩnh Lộc A xử lý. Riêng người thanh niên điều khiển xe mô tô chạy đi mất. Công an xã Vĩnh Lộc A tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng (gồm 256 thẻ cào điện thoại di động các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel để trong túi nhựa màu hồng) lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển đến Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 1081/HĐĐGTTHS-TCKH ngày 21/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận: 256 thẻ cào điện thoại di động các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel có tổng trị giá là 11.460.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Nguyễn Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi như trên. Riêng người thanh niên điều khiển xe mô tô thì A khai không quen biết và không liên quan đến hành vi trộm cắp của An.

Về vật chứng vụ án:

+ 256 thẻ cào điện thoại di động các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel và 01 túi nhựa màu hồng, Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bị hại là bà Nguyễn Thị T.

+ 01 thẻ cào điện thoại di động mạng Viettel (mệnh giá 20.000 đồng), 01 gói thuốc lá hiệu Jet (bên trong có 20 điếu), 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen thu giữ của A đã được Cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện tạm giữ chờ xử lý

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 177/CT-VKS ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ghi nhận bị hại không

yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn A khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn A đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 256 thẻ cào điện thoại di động các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel (để trong túi nhựa màu hồng) của vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn H tại tiệm tạp hóa ở địa chỉ ấp 5, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 14/5/2019 thì bị phát hiện bắt giữ quả tang.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trên của bị hại, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại qua định giá có giá trị tổng cộng là 11.460.000 đồng.

[3] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy tài sản chiếm đoạt lần này có giá trị 11.460.000 đồng nhưng bị cáo đã có 03 tiền án (đã tái phạm):

+ Ngày 10/7/2015 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số: 241/2015/HSST.

+ Ngày 30/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tái phạm) theo bản án số 26/2016/HSST.

+ Ngày 21/11/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp với hình phạt của Bản án số: 26/2016/HSST ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm tù, theo Bản án số: 409/2016/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 07/3/2018.

Tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích đối với 03 bản án nêu trên mà lại cố ý thực hiện tội phạm, thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung tăng nặng đối với bị cáo được quy định tại điểm

g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân rất xấu: Ngoài 03 tiền án nêu thì bị cáo còn nhiều lần vi phạm pháp luật, bị xử lý như sau:

+ Ngày 10/8/1984 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số: 94/HSST (đã được xóa tích).

+ Ngày 22/4/1998 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số: 35/HSST (đã được xóa tích).

+ Ngày 24/02/1993, “Trộm cắp tài sản của công dân” bị Công an Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đến ngày 26/3/1993 thì được Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trả tự do.

+ Ngày 03/02/1994, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội ”Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số: 125/HSST (đã được xóa tích).

+ Ngày 08/4/1999 bị Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số: 598/HSST (đã được xóa tích).

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoảng thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án là:

+ 256 thẻ cào điện thoại di động các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel và 01 túi nhựa màu hồng, Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bị hại là bà Nguyễn Thị T nên Hội đồng xét xử không xét.

+ 01 thẻ cào điện thoại di động mạng Viettel (mệnh giá 20.000 đồng), 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen thu giữ của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ 01 gói thuốc lá hiệu Jet (bên trong có 20 điếu), Xét đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như giải quyết phần dân sự và các vấn đề khác. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin mức án thấp nhất của bị cáo do không tương xứng với tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo.

[10] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ các hành vi, quyết định tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2019.

Ghi nhận bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Giao trả lại cho bị cáo: 01 (một) thẻ cào điện thoại di động mạng Viettel (mệnh giá 20.000 đồng), , 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói thuốc lá hiệu Jet (bên trong có 20 điếu).

(các vật trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/8/2019 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở tư pháp TPHCM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thường Đông